TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HS-PT
Ngày 03-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Minh Khánh

Ông Hồ Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:Bà Lê Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 44/2018/TLPT-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Trần Tuyết N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2018/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Tuyết N, sinh ngày 17 tháng 4 năm 1989, tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Tổ 14, phường H, huyện T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị H, sinh năm1965; có chồng: Bùi Văn N1, sinh năm 1987 (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm2013;

Tiền án, tiền sự: Không. Tạm giữ, tạm giam: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ ngày16/3/2018, Trần Tuyết N cùng với Ma Thị N2, Đào Thị M, Nguyễn Hải Y và Trần Thị Đ đều là bạn học lái xe ô tô rủ nhau đến quán Karaoke No91 thuộc tổ 2, phường T, huyện T để hát và cùng nhau vào phòng Vip1 (tầng 1). Khi vào trong phòng hát chị Trần Thị Đ để chiếc túi xách bằng da, màu xanh rêu trên kệ trong góc phòng, trong túi có 42.000.000 đồng*(Bốn mươi hai triệu đồng)*, đều là tiền polime có mệnh giá 500.000 đồng. Khoảng 16 giờ cùng ngày, thấy chị Đ đi ra khỏi phòng hát, mọi người trong phòng không ai để ý nên N đã nảy sinh ý định trộm cắp túi xách của chị Đ. N cầm túi xách của chị Đ đeo lên vai rồi đi vào nhà vệ sinh nam, mở túi thấy một tập tiền mệnh giá 500.000 đồng. N rút tập tiền ra để trên chậu rửa mặt tại nhà vệ sinh nam (không xác định được số lượng). Chiếc túi xách và số tiền còn lại trong túi N mang sang nhà vệ sinh nữ để trong chậu rửa mặt mục đích để khi ra về thì quay vào lấy, rồi N trở về phòng hát chào mọi người để đi về. Khi quay lại phòng hát, N thấy chị Đ bảo bị mất túi xách và đang cùng mọi người đi tìm.

Do sợ bị phát hiện nên N đi ra nhà vệ sinh nam lấy toàn bộ số tiền trên chậu rửa mặt cho vào bồn cầu và xả nước cho tiền trôi đi. Trong khi tìm kiếm chị Đ thấy túi xách của mình trong nhà vệ sinh nữ, trong túi còn lại số tiền 13.500.000 đồng. Quản lý quán hát phát hiện trong bồn cầu nhà vệ sinh nam có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Chị Đ báo Công an, tổ công tác cùng nhân viên của quán tháo dỡ bồn cầu nhà vệ sinh nam phát hiện thu giữ trong ống thoát nước của bồn cầu có 18.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng không thu giữ được.

Ngày 19/3/2018, Trần Tuyết N đã bồi thường cho chị Đ số tiền 10.000.000đồng, chị Đ không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2018/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Tuyết N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trần Tuyết N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày vào trại thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 và ngày 19/7/2018, bị cáo Trần Tuyết N có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát:

-Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, đúng pháp luật; trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Trần Tuyết N 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị hại Trần Thị Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, ikhoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong đó bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới tại phiên tòa phúc thẩm, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Bị cáo Trần Tuyết N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Bị cáo Trần Tuyết N có ý kiến nhất trí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát vàxin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Tuyết N tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; bị cáo cũng thừa nhận nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết, xử phạt bị cáo là đúng người, đúng tội. Do vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng 16 giờ ngày 16/3/2018, tại quán Karaoke No91 thuộc tổ 2, phường T, huyện T, bị cáo Trần Tuyết N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại Trần Thị Đ với số tiền là 42.000.000đồng *(Bốn mươi hai triệu đồng)*.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và nội dung đơn kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s,

i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, đúng quy định.

[3] Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị hại Trần Thị Đ có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Xét bị cáo N có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, tuổi đời còn trẻ, đã ly hôn, bản thân phải nuôi con nhỏ (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013); bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo, theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị cáo Trần Tuyết N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Tuyết Nhung, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 61/2018/HS-ST ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1,khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Tuyết N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (Bốn) năm, về tội "Trộm cắp tài sản"; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án hình sự phúc thẩm (03/10/2018). Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân phường H, huyện T, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự).

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trần Tuyết N cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thi Tòa án buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt tù của bản án này đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo Trần Tuyết N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Hùng